

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Thông báo số 342/TB-TA ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long về việc chấp nhận cho bà Trần Thị D miễn nộp phần tiền án phí mà bà phải chịu;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 544/2022/TLST-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Trần Thị D, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: ông Trần Văn C, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền phải trả: Bà Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện trả cho bà Trần Thị D số tiền hụi còn thiếu của dây hụi tháng 1.000.000 đồng, xác lập ngày 01/8/2020 âm lịch, là 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*). Bà D thống nhất nhận số tiền này.

Về thời gian trả: Bà Trần Thị D và bà Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện thỏa thuận do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị D tự nguyện chịu 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) nhưng do bà D thuộc diện gia đình có công cách mạng có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và tiền án phí nên chấp nhận cho bà D được miễn nộp toàn bộ phần tiền án phí mà bà phải chịu. Bà Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện chịu 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Nguyễn Thị Trang
(đã ký)